

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2014/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 518/TTr-STNMT ngày 27/11/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai,
thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Những nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân các cấp, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan khác có liên quan.

2. Các bên tranh chấp, người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai

1. Thời gian thực hiện thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai đối với địa bàn các phường, thị trấn không quá bốn mươi năm (45) ngày làm việc; đối với địa bàn các xã không quá sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

Khi nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc đối với địa bàn các phường, thị trấn; bốn mươi năm (45) ngày làm việc đối với các xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành làm việc với các bên tranh chấp làm rõ những nội dung còn thiếu hoặc trình bày chưa rõ trong đơn, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất (lập Biên bản làm việc); thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tranh chấp (lập Biên bản xác minh); kiểm tra thực địa đất tranh chấp để xác định địa điểm, vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất tranh chấp (lập Biên bản kiểm tra thực địa); xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh;

b) Sau khi có báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc ban hành quyết định thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để

thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng hòa giải theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai, tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Kết quả hòa giải tranh chấp đất đai phải được lập thành biên bản, gồm có các nội dung: thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải; thành phần tham dự hòa giải; tóm tắt nội dung tranh chấp thể hiện rõ về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất đang tranh chấp, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (theo kết quả xác minh, tìm hiểu); ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; những nội dung đã được các bên tranh chấp thỏa thuận, không thỏa thuận được.

Biên bản hòa giải phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải và phải đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời phải được gửi ngay cho các bên tranh chấp và lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Việc hòa giải chỉ được tiến hành khi các bên tranh chấp đều có mặt; trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được coi là việc hòa giải không thành.

2. Sau khi có kết quả hòa giải của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai, UBND cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 4. Thời gian thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Thời gian thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố là không quá bốn mươi năm (45) ngày làm việc đối với những vụ việc tranh chấp ở địa bàn các phường, thị trấn; không quá sáu mươi (60) ngày làm việc đối với những vụ việc tranh chấp ở địa bàn các xã, tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ để thụ lý giải quyết. Cụ thể như sau:

1. Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc đối với những vụ việc tranh chấp ở địa bàn các phường, thị trấn; năm mươi năm (55) ngày làm việc đối với những vụ việc tranh chấp ở địa bàn các xã, cơ quan tham mưu giải quyết thực hiện thẩm tra, xác minh vụ việc (nội dung gồm làm việc với các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan; lập biên bản kiểm tra hiện trạng, ranh giới, diện tích đất tranh chấp; trích lục bản đồ, trích đo địa chính khu đất, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến đất tranh chấp...), tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, tổ chức cuộc họp các phòng, ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh

báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Điều 5. Thời gian thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thời gian thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là không quá sáu mươi (60) ngày làm việc đối với vụ việc tranh chấp ở địa bàn các phường, thị trấn; không quá bảy mươi năm (75) ngày làm việc đối với vụ việc tranh chấp ở địa bàn các xã, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ để thụ lý giải quyết. Cụ thể như sau:

1. Trong thời hạn năm mươi năm (55) ngày làm việc đối với vụ việc tranh chấp ở địa bàn các phường, thị trấn; bảy mươi (70) ngày làm việc đối với vụ việc tranh chấp ở địa bàn các xã, cơ quan tham mưu giải quyết thực hiện thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh; tổ chức cuộc họp các Sở, Ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần thiết) và hoàn chỉnh báo cáo thẩm tra, xác minh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

Điều 7. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vy Văn Thành